TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2025/DS-ST
Ngày: 17-11-025
V/v tranh chấp "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Phương Vy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và ngày 17 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1464/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 325/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (có mặt);

1.2. Ông Dương Văn T, sinh năm 1969, địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (có mặt);

1.3. Bà Dương Thị V, sinh năm 1973, địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Dương Văn T (Dương Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Thanh T: ông Phạm Trung B, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp PH2, xã CM, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Dương Văn Be, sinh năm 1964; địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.2. Ông Dương Thanh Sơn, sinh năm 1976; địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang;

Người giám hộ cho ông Dương Thanh S: bà Dương Thị V, sinh năm 1973, địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang; (văn bản thỏa thuận ngày 15/7/2025) (có mặt);

3.3. Bà Dương Thị K, sinh năm 1978; địa chỉ: số 117, tổ 09, ấp Bình Linh, xã BT, huyện CL (nay là số 117, tổ 09 ấp BL, xã MH), tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

3.4. Ông Dương Văn P, sinh năm 1980; địa chỉ: địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.5. Ông Dương Văn U, sinh năm 1984; địa chỉ: số 291, tổ 07, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.6. Ông Nguyễn Văn Ht, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 14, ấp AT, xã HB, huyện CM (nay là ấp AT, xã HA), tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.7. Bà Võ Thị Thu L; địa chỉ: tổ 14, ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.8. Bà Dương Kim H, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.9. Cháu Dương Trọng T; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.10. Cháu Dương Trí L; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Dương Chí T; Dương Chi L: ông Dương Văn U, bà Dương Kim H; là cha, mẹ ruột cháu T, L (vắng mặt).

3.11. Bà Mai Thị V, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.12. Anh Dương Quốc T, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.13. Chị Dương Phạm Nhựt H; sinh năm 2005; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.14. Anh Trương P, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp AT, xã HA, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Dương Thị M, bà Dương Thị V, ông Dương Văn T trình bày:

Cha mẹ các ông, bà là ông Dương Văn R (sinh năm 1934, chết năm 2024) và bà Lê Thị N (sinh năm 1942, chết năm 2007). Ông R, bà N sinh được 09 người con gồm: Dương Văn B, Dương Thị M, Dương Văn Tg (Dương Thanh T), Dương Văn T, Dương Thị V, Dương Thanh S, Dương Thị K, Dương Văn P và Dương Văn U. Ông R, bà N không có con riêng hay con nuôi.

Nguồn gốc tài sản tranh chấp là của cha mẹ tạo lập gồm diện tích đất 2.108,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 028442QSDĐ/mB do Uỷ ban nhân dân huyện CM cấp cho ông Dương Văn R ngày 10/7/2001 và diện tích đất 8.901m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước và chuyên dùng khác thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 452, 453, 454 do Uỷ ban nhân dân huyện CM cấp cho ông Dương Văn R ngày 29/10/1993. Lúc cha mẹ còn sống chưa lập di chúc chia tài sản cho ai. Hiện nay ông Dương Thanh T đang quản lý phần diện tích đất ruộng và đang cho ông Nguyễn Văn H thuê. Còn phần diện tích đất 2.108,2m^2 hiện nay có nhà trên đất gồm: gồm nhà của cha mẹ (Dương Văn R, Lê Thị N hiện nay ông Dương Văn U quản lý), nhà của ông Dương Văn T, nhà của Dương Văn P, nhà của Dương Thị V và nhà của Dương Thị M ngoài ra không còn nhà của ai khác. Ngoài ra trên đất hiện nay có ngôi mộ của ông Dương Văn R tại mốc điểm số 17,19, 18, 50 diện tích 20,4 m^2.

Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây cha ông, bà đứng tên diện tích 6.522 m^2. Tuy nhiên, sau này mua thêm một phần diện tích nữa sau đó mới trang ra cho liền ranh hiện nay chỉ còn một thửa nên mới có diên tích là 8.901m^2. Còn đối với diện tích đất thổ cư và cây lâu năm khác thì không thay đổi. Ông, bà xác định chỉ yêu cầu chia đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất. Còn đối với căn nhà của cha mẹ để lại hiện ông Dương Văn Út đang quản lý ông, bà thống nhất để làm phủ thờ không yêu cầu chia thừa kế.

Nay ông, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối tài sản của cha mẹ để lại gồm: diện tích đất 2.108,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 028442QSDĐ/mB do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn R ngày 10/7/2001 và diện tích đất 8.901m^2 (theo bảng trích đo hiện trạng khu đất của công ty đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 22/5/2024), loại đất chuyên trồng lúa nước và chuyên dùng khác thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 452, 453, 454 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn Ri ngày 29/10/1993 thành 09 phần bằng nhau đồng thời yêu cầu được nhận một kỷ phần bằng hiện vật.

Bị đơn ông Dương Văn Tùng (Dương Thanh Tùng) trình bày:

Cha ông tên Dương Văn R, mẹ tên Lê Thị N, cha mẹ có 09 người con như nguyên đơn trình bày: Lúc cha mẹ còn sống có tạo lập được tài sản gồm diện tích đất 2.108,2 m^2 loại đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm khác và diện tích đất

nông nghiệp 6.522 m^2 tất cả các diện tích đất trên cho cha (Dương Văn R) đứng tên. Trong phần đất ruộng do cha đứng tên trong quá trình sử dụng nhà nước có vét kênh làm đường nền phần diện tích có giảm khoảng 350 m^2 so với thời điểm cấp giấy. Trong phần đất nông nghiệp qua đo vẽ tổng diện tích 8.901m^2 có phần đất của ông diện tích 2.601 m^2 của ông thuộc thửa 451, do trước đây ông nhận chuyển nhượng của người khác và đứng tên quyền sử dụng đất. Lúc cha còn sống cho ông làm toàn bộ diện tích đất trên. Tuy nhiên, do đất nhiều thửa, hơn nữa do diện tích đất cao thấp do đó ông phá 04 thửa đất thành một thửa như hiện nay, đồng thời phần đất cha đứng tên do nhà nước làm đường nên phần đất hiện nay thiếu so với thời điểm cấp giấy. Hiện nay, phần đất nêu trên ông đang cho ông Nguyễn Văn Hết thuê để canh tác lúa. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế ông đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông đồng ý chia tài sản cha mẹ để lại như yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được nhận một kỷ phần bằng hiện vật. Riêng đối với phần đất diện tích 2.601 m^2 là của ông không đồng ý chia. Đối với căn nhà của bà M cất qua phần đất của ông, ông xác định không tranh chấp với bà Mai trong vụ án này.

Ông Phạm Trung B thống nhất như lời trình bày của ông Dương Thanh T, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị K trình bày: Thống nhất với ông T, bà V, bà M trình bày: Cha bà là ông Dương Văn R, mẹ là Lê Thị N. Lúc cha mẹ còn sống có tạo lập được tài sản như ông T, bà V, bà M trình bày. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế bà cũng đồng ý và yêu cầu nhận 01 phần di sản thừa kế do cha mẹ để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

- Đối với nguyên đơn: Bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, bà Dương Thị V, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Dương Văn T (Dương Thanh T), từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các đương sự ông Dương Thanh S, do bà Dương Thị V giám hộ, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng các đương sự còn lại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án vắng mặt theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 612, 613, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự và Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Dương Thị M, bà Dương Thị V, ông Dương Văn T.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Dương Thị Mai, ông Dương Văn Thanh, bà Dương Thị Vân về yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 2.601 m^2

Ông U được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 812,9m² nối các điểm 52,53,B,22,A. Ông U có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Bé, bà Mai, ông T, ông T, bà V, bà K, ông S, ông Pg mỗi người 219.031.388.888 đồng.

Ông Thanh được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 354,7m² nối các điểm A,22,B,C,D. Ông T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, U, T, V, K, S, P mỗi người 95.571.944.444 đồng.

Ông P được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 294,4m² nối các điểm D,C,F,E. Ông P có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, U, T, V, K, S, T mỗi người 79.324.444.444 đồng.

Bà V được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 646,2m² (có 20.4 m^2 đất mồ mả) nối các điểm E,F,54,55,56. bà Vân có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, U, T, K, S, T, P mỗi người 168.618.333.333 đồng.

Ông T được quản lý, sử dụng đất lúa diện tích 6.171,6m² gồm diện tích 2008,1m^2 nối các điểm 6,7,A,C,D và diện tích 4163,5m^2 nối các điểm D,C,B,44,48,36,39. Ông T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, U, V, K, S, T, P mỗi người 171.433.333.333 đồng.

Tạm giao kỷ phần được hưởng của ông Dương Thanh S cho bà Dương Thị V quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bà M, ông T, bà V khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế với ông Dương Thanh T. Ông T có nơi cư trú trên địa khu vực 11 và phần đất thừa kế tọa lạc xã HA, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lúc còn sống, cụ Dương Văn R và cụ Lê Thị N có tạo lập tài sản gồm diện tích đất 2.108,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 028442/mB do Uỷ ban nhân dân huyện CM cấp cho cụ Dương Văn R ngày 10/7/2001 và diện tích đất 8.901m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước và chuyên dùng khác thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 452, 453, 454 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn R ngày 29/10/1993. Cụ R, cụ N chết không để lại di chúc, di sản sản hiện nay ông Dương Thanh T đang quản lý phần diện tích đất ruộng và đang cho ông Nguyễn Văn H thuê. Còn phần diện tích đất 2.108,2m^2 hiện nay có nhà trên đất gồm: gồm nhà của cha mẹ (Dương Văn R, Lê Thị N hiện nay ông Dương Văn U quản lý), nhà của ông Dương Văn T, nhà của Dương Văn P, nhà của Dương Thị V và nhà của Dương Thị M ngoài ra không còn nhà của ai khác. Ngoài ra trên đất hiện nay có ngôi mộ của ông Dương Văn R tại mốc điểm số 17,19, 18, 50 diện tích 20,4 m^2.

Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Ri chỉ đứng tên diện tích 6.522 m^2. Sau này, cụ R có mua thêm một phần diện tích nữa sau đó mới trang ra cho liền ranh hiện nay chỉ còn một thửa nên mới có diện tích là 8.901m^2. Còn đối với diện tích đất thổ cư và cây lâu năm khác không thay đổi. Các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia đất chứ không yêu cầu chia tài sản trên đất. Còn đối với căn nhà của cha mẹ để lại hiện ông Dương Văn U đang quản lý ông bà thống nhất để làm phủ thờ không yêu cầu chia thừa kế.

Tại phiên tòa bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, bà Dương Thị V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối tài sản của cụ R, cụ N để lại gồm: Diện tích đất 2.108,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 028442/mB do Uỷ ban nhân dân huyện CM cấp cho ông Dương Văn R ngày 10/7/2001 và diện tích đất 6.171m^2 (theo bảng trích đo hiện trạng khu đất của công ty đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 15/8/2025), loại đất chuyên trồng lúa nước và chuyên dùng khác thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 452, 453, 454 do Uỷ ban nhân dân huyện CM cấp cho ông Dương Văn R ngày 29/10/1993 thành 09 phần bằng nhau, yêu cầu được nhận hiện vật.

Bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, bà Dương Thị V rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 2.601 m^2 do ông Dương Thanh T đứng tên được thể hiện tại các mốc điểm A,8,B,D.

Phía ông Tùng đồng ý chia tài sản do cụ R, cụ N để lại như yêu cầu của nguyên đơn, không đồng ý chia diện tích 2.601m^2, phần đất này do trước đây ông Tùng nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Q và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Các đương sự thống nhất cụ R, cụ N chết không để lại di chúc và thống nhất chia thừa kế theo pháp luật.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về di sản: Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2.108,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 028442/mB do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn R ngày 10/7/2001 và diện tích đất qua đo đạc thực tế 6.171,6 m^2 (theo bảng trích đo hiện trạng khu đất của công ty đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 15/8/2025), loại đất chuyên trồng lúa nước và chuyên dùng khác thuộc tờ bản đồ số 03, thửa số 452, 453, 454 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn R ngày 29/10/1993. Phía ông Tùng đồng ý chia diện tích đất 2.108,2m^2 và diện tích 6.171,6m^2 theo quy định pháp luật. Đối với phần diện tích 2.601m^2 ông không đồng ý chia vì phần đất này ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Q và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4]. Xét thấy, kèm theo đơn khởi kiện các nguyên đơn cung cấp di sản của cụ Ri, cụ Năm đối với diện tích đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01064/mB do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn R ngày 29/10/1993, diện tích đất 6.522m^2, các nguyên đơn cho rằng phần diện tích đất còn lại do cụ R nhận chuyển nhượng từ người khác nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên có cơ sở xem xét theo lời trình bày của ông Tùng phần diện tích đất 2.601m^2 là tài sản cá nhân của ông Tùng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn điều thống nhất phần diện tích đất nông nghiệp qua đo đạc thực tế diện tích 6.171,6m^2 (so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ri đứng tên 6.522m^2, tuy nhiên do nước làm đường nên diện tích chỉ còn 6.171,6m^2). Tại phiên tòa bà Mai, ông Thanh, bà Vân xác định yêu cầu thừ kế đối với phần diện tích đất 2.108,2m^2 (loại đất ONT, CLN) và diện tích đất 6.171,6m^2 (loại đất 2L,CDK). Đồng thời rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 2.601m^2 do đó Hội đồng xét xử cần đình chỉ đối với việc rút lại yêu cầu này.

[5]. Về hàng thừa kế của cụ Dương Văn R, cụ Lê Thị N gồm 09 người con Dương Văn B, Dương Thị M, Dương Thanh T (Dương Văn T), Dương Văn T, Dương Thị V, Dương Thanh S, Dương Thị K, Dương Văn P và Dương Văn U.

[6]. Đối với ông Dương Thanh S là người mất năng lực hành vi dân sự. Trước đây trong quyết định số 03 ngày 18/7/2024 Tòa án chỉ định ông Dương Văn R là người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên hiện nay ông R đã chết. Các đồng thừa kế thống nhất bà Dương Thị V là người đại diện cho ông Dương Thanh S đồng thời là người được quản lý kỷ phần ông Sơn.

[7]. Về hiện trạng sử dụng đất qua kết quả đo đạc thực tế được thể hiện qua bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/8/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

[7.1]. Ông Dương U đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 812,9m² nối các điểm 52,53,B,22,A.

[7.2]. Ông Dương Văn T đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 354,7m² nối các điểm A,22,B,C,D.

[7.3]. Ông Dương Văm P đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 294,4m² nối các điểm D,C,F,E.

[7.4]. Bà V đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 646,2m² nối các điểm E,F,54,55,56 (trong đó có phần bó nền có ngôi mộ của ông Dương Văn R 20,4 m^2).

[7.5]. Ông T đang quản lý, sử dụng đất lúa diện tích 6.171,6m² trong đó nối các điểm 6,7,A,C,D có diện tích 2008,1m^2, nối các điểm D,C,B,44,48,36,39 có diện tích 4163,5m^2. Xét thấy, phần đất nông nghiệp có diện tích 6.171,6 m^2 nêu chia cho 9 kỷ phần bằng nhau (685,76 m^2) thì diện tích manh mún không thể tách thửa, hơn nữa phần đất này hiện nay ông Tùng đang cho ông Nguyễn Văn H thuê. Do đó, cần giao phần diện tích đất lúa cho ông T quản lý sử dụng đồng thời ông Tùng hoàn lại cho các đồng thừa kế kỷ phần tương đương.

[8]. Về giá trị tài sản, theo kết quả định giá ngày 26/5/2025, đất lúa có giá 200.000 đồng – 300.000 đồng/m^2, đất ở nông thôn có giá 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng/m^2, đất cây lâu năm có giá 300.000 đồng – 400.000 đồng/m^2. Phần diện tích đất 2.108,2m^2 được xác định là loại đất ở và đất trồng cây lâu năm nhưng không xác định cụ thể vị trí đất nên để đảm bảo quyền lợi của các đương sự cần lấy trung bình giá là 2.425.000 đồng/m^2, đất lúa là 250.000 đồng/m^2.

[9]. Vì vậy, tổng di sản do cụ R, cụ N để lại là 5.062.915.000 đồng (đất thổ cư và cây lâu năm khác trừ 20,4 m^2 đất mộ) + 1.542.900.000 đồng đất nông nghiệp = 6.605.815.000 đồng, mỗi kỷ phần được hưởng là 733.979.444 đồng. Hiện nay, ông U, ông T, ông P và ông T đang quản lý, sử dụng di sản nên cần ổn định cho các đương sự tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ hoàn kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế. Cụ thể:

Đối với phần đất thổ cư và cây lâu năm khác 2.108,2 m^2 trừ phần mồ mả 20,4 m^2 còn lại 2.087,8 m^2. Vậy mỗi kỷ phần được hưởng 231,97 m^2 (2.087,8 m^2 : 9 kỷ phần).

[9.1]. Ông Dương Văn U đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 812,9m², có tổng giá trị 1.971.282.500 đồng, mỗi kỷ phần được nhận 219.031.388,888 đồng. Như vậy, ông Út có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, ông T, ông T, bà V, bà K, ông S, ông P mỗi người 219.031.388,888 đồng.

[9.2]. Ông Dương Văn T đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 354,7m² có tổng giá trị 860.147.500 đồng, mỗi kỷ phần được nhận 95.571.944,444 đồng. Như vậy, ông T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, ông U, ông T, bà V, bà K, ông S, ông P mỗi người 95.571.944,444 đồng.

[9.3]. Ông P đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 294,4m² có tổng giá trị 713.920,000 đồng, mỗi kỷ phần được nhận 79.324.444,444 đồng. Như vậy, ông P có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, ông U, ông T, bà V, bà K, ông S, ông T mỗi người 79.324.444,444 đồng.

[9.4]. Bà Dương Thị V đang quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 646,2m² - 20,4m^2 đất mồ mả còn lại 625,8 m ^{2} có tổng giá trị 1.517.565.000 đồng, mỗi kỷ phần được nhận 168.618.333,333 đồng. Như vậy, bà Vân có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, ông U, ông T, bà K, ông S, ông T, ông P mỗi người 168.618.333,333 đồng.

[9.5]. Ông Dương Thanh T đang quản lý, sử dụng đất lúa diện tích 6.171,6m² có tổng giá trị 1.542.900.000 đồng, mỗi kỷ phần được nhận 171.433.333,333 đồng. Như vậy, ông Tùng có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông B, bà M, ông U, bà V, bà K, ông S, ông T, ông Pg mỗi người 171.433.333,333 đồng.

[10]. Đối với bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, bà Dương Thị V rút lại yêu cầu chia thừa kế diện tích 2.601 m^2, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

[11]. Đối với căn nhà bà M cất qua phần đất của ông Dương Thanh T, do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12]. Đối với căn nhà cha mẹ để lại và cây trồng trên đất các đương sự không có yêu câu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13]. Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Tùng và ông Nguyễn Văn Hết, do các đương sự không tranh chấp nên không đề cập đến.

[14]. Về chi phí tố tụng: Chí phí xem xét thẩm định định giá 1.000.000 bà Dương Thị Mai tạm nộp, tại phiên tòa bà Mai tự nguyên chịu (đã nộp xong).

[15]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Điều 612, 613, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, bà Dương Thị V.

Xác định diện tích đất diện tích đất 2.108,2 m^2 thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 08 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02842.QSDĐ/mB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Dương Văn R ngày 10/7/2001 và diện tích đất qua đo đạc thực tế 6.171,6m^2 thuộc thửa số 452, 453, 454 tờ bản đồ số 03 theo giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01064.QSDĐ/mB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 29/10/1993 cho ông Dương Văn R là di sản thừa kế do ông Dương Văn R và bà Lê Thị N để lại.

Xác định hàng thừa kế của cụ Dương Văn R và cụ Lê Thị N gồm: Dương Văn B, Dương Thị M, Dương Thanh T (Dương Văn T), Dương Văn T, Dương Thị V, Dương Thanh S, Dương Thị K, Dương Văn Pg và Dương Văn U.

Các ông bà Dương Văn B, Dương Thị M, Dương Thanh T (Dương Văn T), Dương Văn T, Dương Thị V, Dương Thanh S, Dương Thị K, Dương Văn P và Dương Văn U được hưởng mỗi người 1/9 kỷ phần bằng nhau của quyền sử dụng đất.

Ông Dương Văn U được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 812,9m² nối các điểm 52,53,B,22,A. Ông Dương Út có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Dương Văn B, bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị V, bà Dương Thị K, ông Dương Thanh S, ông Dương Văn P mỗi người 219.031.388,888 đồng.

Ông Dương Văn T được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 354,7m² nối các điểm A,22,B,C,D. Ông Dương Văn T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Dương Văn B, bà Dương Thị M, ông Dương Văn U, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị V, bà Dương Thị K, ông Dương Thanh S, ông Dương Văn P mỗi người 95.571.944,444 đồng.

Ông Dương Văn P được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 294,4m² nối các điểm D,C,F,E. Ông Dương Văn P có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Dương Văn B, bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị V, bà Dương Thị K, ông Dương Thanh S, ông Dương Văn U mỗi người 79.324.444,444 đồng.

Bà Dương Thị V được quản lý, sử dụng đất ONT, CLN diện tích 646,2m² (có 20.4 m^2 đất mồ mả) nối các điểm E,F,54,55,56. Bà Dương Thị V có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Dương Văn B, bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, ông Dương Thanh T, bà Dương Thị K, ông Dương Thanh S, ông Dương Văn P, ông Dương Văn U mỗi người 168.618.333,333 đồng.

Ông Dương Thanh T được quản lý, sử dụng đất lúa diện tích 6.171,6m² gồm diện tích 2008,1m^2 nối các điểm 6,7,A,C,D và diện tích 4163,5m^2 nối các điểm D,C,B,44,48,36,39. Ông Dương Thanh T có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Dương Văn B, bà Dương Thị M, ông Dương Văn T, bà Dương Thị V, bà Dương Thị K, ông Dương Thanh S, ông Dương Văn P, ông Dương Văn U mỗi người 171.433.333,333 đồng.

Tạm giao kỷ phần được hưởng của ông Dương Thanh S cho bà Dương Thị V quản lý.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định (sơ đồ hiện trạng ngày 15/8/2025 của Công ty đo đạc nhà đất Hưng Phú (nay là công ty đo đạc nhà đất An Giang là bộ kem theo bản án).

* Về chi phí tố tụng: Chí phí xem xét thẩm định, định giá tài sản 1.000.000 (một triệu) đồng bà M tự nguyên chịu. Bà M đã nộp xong.

* Về án phí:

Bà Dương Thị M phải chịu 33.359.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đươc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai số 0023828 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang) bà M còn phải nộp thêm 30.859.000 đồng.

Bà Dương Thị V phải chịu 33.359.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đươc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai số 0023830 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang) bà V còn phải nộp thêm 30.859.000 đồng.

Ông Dương Văn T phải chịu 33.359.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đươc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai số 0023829 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang) ông T còn phải nộp thêm 30.859.000 đồng.

Ông Dương Văn B, bà Dương Thanh T, bà Dương Thị K, ông Dương Văn P, ông Dương Văn U, ông Dương Thanh S (do bà V giám hộ) mỗi người phải chịu 33.359.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn khán có là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THA DS khu vực 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Dương